

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



TRƯỜNG THỊ SÔNG HƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Phan Thị Nhật Tài**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng
năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
6. Những đóng góp của Luận văn	4
7. Bố cục của Luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM	5
1.1. Khái quát về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	5
1.1.1. Khái niệm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.....	5
1.1.2. Khái niệm về hàng hóa xuất nhập khẩu	5
1.1.3. Vai trò của thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	5
1.1.4. Sự cần thiết khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	6
1.2. Khái quát pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam	6
1.2.1. Khái niệm pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	6
1.2.2. Pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	7
1.3. Khái quát thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ở một số quốc gia trên Thế giới và một số kinh nghiệm cho Việt Nam	8
1.3.1. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ở một số quốc gia trên Thế giới.....	8
1.3.2. Một số kinh nghiệm về thủ tục hải quan điện tử cho Việt Nam.....	9
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam	9
1.4.1. Yếu tố luật pháp.....	9
1.4.2. Yếu tố công nghệ.....	9
1.4.3. Yếu tố kinh tế, xã hội	9
1.4.4. Yếu tố con người	10
Tiểu kết Chương 1	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM	11
2.1. Thực trạng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam	11
2.1.1. Chủ thể trong thủ tục hải quan điện tử	11
2.1.2. Nội dung của thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	12
2.1.3. Xử lý vi phạm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	13
2.1.4. Quản lý Nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử	13
2.1.5. Một số hạn chế pháp luật hiện hành về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	14

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.....	15
2.2.1. Tình hình áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại một số Địa phương	15
2.3. Đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.....	17
2.3.1. Kết quả đạt được	17
2.3.2. Một số hạn chế	18
2.3.3. Nguyên nhân	18
Tiêu kết Chương 2.....	19
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM.....	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam	19
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu hội nhập Quốc tế	19
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0.....	19
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu để kiểm soát hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, đảm bảo tính minh bạch các thủ tục hành chính	20
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật nâng cao hiệu quả áp dụng về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.....	20
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	20
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	20
Tiêu kết Chương 3.....	21
KẾT LUẬN	22

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hội nhập kinh tế quốc tế có thể nói là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước với mục đích mở rộng thị trường cho nhau, mở rộng mối quan hệ bạn hàng. Cùng với việc được hưởng nhiều ưu đãi về thuế quan, xóa bỏ hàng rào phi thuế quan và các chế độ đãi ngộ khác đã tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập thị trường thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng góp phần tăng thu hút đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển chính thức.

Hiện nay, Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức tài chính quốc tế WB, IMF, ADB¹... Nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, quá trình hội nhập và tham gia vào nền kinh tế quốc tế cũng đưa ra những đòi hỏi hết sức thiết thực về cải cách hành chính, như giảm bớt sự can thiệp trực tiếp quá mức vào các hoạt động kinh tế, và mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế. Xuất phát từ tình hình trên, ngành Hải quan cũng cần có sự đổi mới theo hướng đơn giản hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển.

Bên cạnh những mặt tích cực mà quá trình hội nhập mang lại cho nước ta như việc mở rộng thị trường, tăng khả năng thu hút các nguồn vốn, tạo điều kiện tiếp nhận công nghệ mới có hiệu quả hơn, thì những yêu cầu, thách thức và những tác động tiêu cực ở mặt nào đó, cũng đòi hỏi phải có những biện pháp cải cách, để những vấn đề đó được giải quyết theo hướng thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo hộ sản xuất, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền quốc gia.

Cũng như các ngành khác trong nước và Hải quan các nước trên thế giới, Hải quan Việt Nam đang đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức trong bối cảnh thương mại quốc tế tăng trưởng mạnh cả về giá trị và khối lượng, cả thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ, sự bùng nổ của công nghệ thông tin và sự phát triển gia tăng của buôn lậu, gian lận thương mại và những loại hình tội phạm mới và đặc biệt là trong tình hình thế giới đang phòng, chống dịch bệnh Covid - 19. Thực tế trên càng ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của Hải quan và càng đòi hỏi phải thực hiện cải cách sâu rộng, trong đó, một chế độ thủ tục Hải quan đơn giản, minh bạch và hiện đại là một yêu cầu, đồng thời còn là một lợi thế của Việt Nam khi tham gia vào nền kinh tế thế giới.

Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, hội nhập kinh tế nhưng phải giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa. Hải quan là một trong những lực lượng ở “tuyến trước” còn có nhiệm vụ góp phần bảo vệ sự ổn định của đất nước, “hội

¹ - Ngân hàng Thế giới (WB - World Bank): được thành lập vào năm 1944, trụ sở chính đặt tại Washington, D.C. WB hiện có hơn 9000 nhân viên làm việc tại hơn 100 văn phòng đại diện trên toàn thế giới.

- Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF- International Monetary Fund) được thành lập vào tháng 7/1944 tại Hội nghị Bretton Woods (New Hampshire, Hoa Kỳ) với 44 nước hội viên sáng lập. Mục tiêu chủ yếu của IMF là bảo đảm sự ổn định của hệ thống tiền tệ quốc tế - hệ thống tỷ giá và hệ thống thanh toán, cho phép các quốc gia và công dân của mình giao dịch với nhau và với công dân của nước khác.

- Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB: The Asian Development Bank) là một thể chế tài chính đa phương cung cấp các khoản tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp các nước châu Á xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội. ADB được thành lập vào năm 1966, có trụ sở chính tại Manila, và chủ tịch là một người Nhật Bản.

nhập mà không hòa tan”. Do vậy việc thay đổi từ thủ tục hải quan truyền thống sang thủ tục hải quan điện tử trở nên vô cùng cấp thiết đối với ngành hải quan. Xuất phát từ những lý do trên, em đã quyết định chọn đề tài: “Pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam”.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong thời gian qua, liên quan đến vấn đề pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đã thu hút được nhiều sự quan tâm nghiên cứu đến từ các chuyên gia, học giả trong nước với những mức độ nghiên cứu khác nhau, tiêu biểu như:

Đề án “Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu” của Bộ Tài chính được phê duyệt theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/ 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ mã số 2015-07 “Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu cải cách hiện đại hóa hải quan”.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành với mã số BTC/ĐT/2020-03 “Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu trong hoạt động thương mại điện tử” của tác giả ThS. Trần Đức Hùng.

Bên cạnh đó cũng đã có nhiều bài nghiên cứu khoa học cấp ngành được nhiều chuyên gia quan tâm đã nghiên cứu thực hiện, cụ thể:

Đề tài “Nâng cao hiệu quả quản lý và tăng cường năng lực kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa của cơ quan Hải quan trong bối cảnh thực hiện các Hiệp định thương mại thế hệ mới” với mã số 05-N2018 của tác giả Âu Anh Tuấn - Cục Giám sát, quản lý về Hải quan được nghiên cứu thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2019.

Đề tài “Hoàn thiện thể chế tăng cường năng lực của lực lượng kiểm soát hải quan trong điều kiện hội nhập quốc tế” với mã số 06-N2018 - của tác giả Nguyễn Khánh Quang - Cục Điều tra chống buôn lậu được nghiên cứu thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2019.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

Luận văn có mục đích nghiên cứu, đề xuất giải pháp thực hiện pháp luật và nâng cao hiệu quả pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, Luận văn có các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Một là, làm rõ các cơ sở lý luận pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

Hai là, phân tích và làm rõ nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Ba là, phân tích và làm rõ thực tiễn áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ở 3 thành phố lớn đại diện cho 3 miền của Tổ quốc: miền Bắc, miền Trung và miền Nam trong việc thực hiện thủ tục HQĐT: Tp Hải Phòng, Tp Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh.

Bốn là, đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn đi sâu nghiên cứu các đối tượng sau:

Một là, các cơ sở lý luận và lý luận pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam như: Luận văn, Luận án, Khóa luận tốt nghiệp, Giáo trình, Sách chuyên khảo, Sách tham khảo, Tạp chí nghiên cứu khoa học,....

Hai là, pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam như: Luật Hải quan, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Thương mại, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Bộ Luật dân sự và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan.

Ba là, thực tiễn áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam trong thời gian qua.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn có phạm vi nghiên cứu như sau:

Một là, về không gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Hai là, về địa bàn nghiên cứu: Tp Hải Phòng, Tp Đà Nẵng, Tp Hồ Chí Minh

Ba là, về thời gian nghiên cứu: Giai đoạn 2017 - 2022

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên các quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Một là, phương pháp hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng trong Luận văn nhằm làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về các thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Hai là, phương pháp phân tích văn bản pháp luật và phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng trong Luận văn nhằm làm rõ nội dung quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Ba là, phương pháp tổng hợp, thống kê được sử dụng trong Luận văn nhằm làm rõ tình hình áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Bốn là, phương pháp so sánh, đánh giá được sử dụng trong Luận văn nhằm làm rõ những ưu điểm, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng các quy định đó về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Ngoài ra, Luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp bình luận, phương pháp chứng minh, phương pháp liệt kê, phương pháp quy nạp, phương pháp logic trong quá trình thực hiện Luận văn.

6. Những đóng góp của Luận văn

6.1. Ý nghĩa khoa học của Luận văn

Về lý luận, Luận văn khái quát một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống các cơ sở khoa học về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Luận văn đi sâu phân tích, làm rõ ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong quy định của pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận văn

Về thực tiễn, Luận văn đã làm rõ được những vướng mắc, bất cập còn tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Từ đó, Luận văn đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu thực tiễn của Luận văn tại tài liệu tham khảo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và chủ thể khác như Tòa án, Trọng tài nhằm giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực này.

7. Bố cục của Luận văn

Luận văn gồm có phần Mở đầu, Nội dung và Danh mục tài liệu tham khảo; trong đó nội dung của Luận văn được bố cục thành ba chương như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Chương 3. Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM

1.1. Khái quát về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

1.1.1. Khái niệm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

1.1.1.1. Khái niệm thủ tục hải quan

Thủ tục hải quan là những trình tự các bước thực hiện, thủ tục cần thiết theo quy định để hàng hóa được nhập khẩu vào một quốc gia hoặc xuất khẩu ra khỏi biên giới một quốc gia. Mục đích quan trọng nhất của thủ tục hải quan là để Nhà nước tiến hành thu thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, nhằm đảm bảo cân đối và ổn định thị trường hàng hóa nội địa.

1.1.1.2. Khái niệm về thủ tục hải quan điện tử

Như vậy, theo nghĩa hẹp, thủ tục HQĐT là việc ứng dụng công nghệ thông tin để thông quan hàng hóa tự động. Theo nghĩa rộng, thủ tục HQĐT là thủ tục hải quan theo đó Cơ quan hải quan áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại, ứng dụng CNTT và trang thiết bị hiện đại để cung cấp các dịch vụ về thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho người khai hải quan.

1.1.1.3. Khái niệm về kiểm tra sau thông quan

Theo Tổ chức Hải quan thế giới: Kiểm tra sau thông quan là quy trình cho phép cơ quan hải quan kiểm tra tính chính xác của hoạt động khai hải quan bằng việc kiểm tra các hồ sơ, tài liệu ghi chép về kế toán và thương mại liên quan đến hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa và tất cả các số liệu, thông tin, bằng chứng khác cho cơ quan hải quan mà hiện tại đang được các đối tượng kiểm tra (cá nhân hoặc doanh nghiệp) trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào hoạt động buôn bán quốc tế nắm giữ.

1.1.2. Khái niệm về hàng hóa xuất nhập khẩu

Như vậy, hàng hóa xuất nhập khẩu là động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, được đưa ra hoặc vào lãnh thổ Việt Nam, hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam thông qua hoạt động thương mại sau khi hoàn thành các thủ tục theo quy định. Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ có chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu như quy định danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền....

1.1.3. Vai trò của thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

1.1.3.1. Đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước và của cộng đồng Doanh nghiệp

Trước yêu cầu phát triển đất nước, đòi hỏi ngành Hải quan phải nâng cao năng lực quản lý để bảo đảm thực hiện có hiệu quả chính sách kinh tế của Nhà nước, chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn việc buôn bán, vận chuyển hàng cấm qua biên giới, ngăn chặn các giao dịch thương mại bất hợp pháp, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, lợi ích người tiêu dùng, an ninh quốc gia, bảo vệ môi trường.

1.1.3.2. Đáp ứng yêu cầu hội nhập và xu hướng phát triển của Hải quan quốc tế, sự phát triển của thương mại quốc tế

Trong giai đoạn hiện nay, với xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới đặc biệt là chuẩn bị cho việc gia nhập WTO, Việt Nam cần phải thực hiện thực hiện các yêu cầu, các cam kết với các nước, các tổ chức đã tham gia, ký kết như APEC, ASEAN v.v... Những công việc mà ngành Hải quan phải thực hiện là đơn giản hóa thủ tục hải quan theo công ước Kyoto sửa đổi, thực hiện việc xác định trị giá hải quan theo Hiệp định trị giá GATT, thực hiện cam kết liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa (Hiệp định TRIPs), đảm bảo hệ thống pháp luật về hải quan đầy đủ, thống nhất, rõ ràng và công khai, phù hợp với các cam kết quốc tế, thực hiện nghiêm chỉnh, bình đẳng cho mọi đối tượng.

1.1.3.3. Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới của ngành Hải quan

Trước tình hình thế giới có nhiều biến động về kinh tế, chính trị, bên cạnh những nhiệm vụ truyền thống, Hải quan các nước còn có thêm nhiệm vụ chống khủng bố, chống rửa tiền, chống dịch bệnh, bảo đảm an ninh, an toàn xã hội v.v... Trong điều kiện nguồn nhân lực của hải quan là có hạn, đứng trước yêu cầu trên, đòi hỏi cơ quan hải quan các quốc gia phải cải cách và hiện đại hóa hải quan. Một trong những nội dung cốt lõi của hiện đại hóa hải quan là thực hiện thủ tục HQĐT.

Việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước và sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ đòi hỏi ngành hải quan phải đẩy mạnh hơn nữa cải cách TTHC và ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động quản lý của mình để vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vừa đảm bảo hiệu lực và hiệu quả của quản lý Nhà nước..

Thực hiện thủ tục HQĐT vừa là yêu cầu nội tại của các quốc gia vừa là đòi hỏi của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

1.1.4. Sự cần thiết khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

1.1.4.1. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước

Thủ tục HQĐT giúp nâng cao năng lực quản lý, thay đổi phương pháp quản lý hướng tới quản lý doanh nghiệp thay vì thiên về quản lý hàng hóa như hiện nay, chuyển từ phương pháp quản lý tiền kiểm sang hậu kiểm. Các quy trình thủ tục được đơn giản hóa, chuẩn hóa, áp dụng tối đa CNTT, sử dụng chữ ký số để giảm thiểu tối đa giấy tờ.

1.1.4.2. Đối với doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu

Thủ tục HQĐT giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trong môi trường thương mại quốc tế, giảm được thời gian thông quan và tiết kiệm chi phí đi lại, phô tô, in ấn hồ sơ. Doanh nghiệp chủ động về thời gian làm thủ tục hải quan, thay vì trước đây chỉ có thể khai báo hải quan trong giờ hành chính, nay hệ thống khai HQĐT của cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai 24h trong ngày và 7 ngày trong tuần.

1.2. Khái quát pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

1.2.1. Khái niệm pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Pháp luật hải quan điện tử là tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó văn bản chính là Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII, Tổng cục Hải quan đã xây dựng đề án Luật Hải quan đúng tiến độ và đảm bảo chất

lượng, được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2014. Đây là tiền đề tạo cơ sở pháp lý cho việc hiện đại hóa toàn bộ hoạt động hải quan, đẩy mạnh tạo thuận lợi cho thương mại đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý hải quan.

1.2.2. Pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

1.2.2.1. Quy phạm về chủ thể

Tự xác định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai số tiền thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn thuế, xét miễn thuế, xét giảm thuế, hoàn thuế hoặc không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật; kê khai số tiền thuế phải nộp trên giấy nộp tiền theo quy định của Bộ Tài chính về thu, nộp thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kê khai thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế, xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hoặc áp dụng thuế suất ưu đãi, ưu đãi đặc biệt, mức thuế theo hạn ngạch thuế quan và đã được xử lý theo kê khai nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, xét miễn thuế, áp dụng thuế suất ưu đãi, ưu đãi đặc biệt, mức thuế theo hạn ngạch thuế quan; hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập – tái xuất chuyển tiêu thụ nội địa thì người nộp thuế phải thực hiện khai hải quan đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa theo quy định tại Điều 21 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

1.2.2.2. Quy phạm về nội dung thủ tục

Ngày 14/02/2014 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 22/2014/TT-BTC quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/4/2014. Thông tư có những quy định mới theo hướng giảm thủ tục, giấy tờ cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

So với quy định tại Thông tư 196/2013/TT-BTC, Thông tư 22/2014/TT-BTC đưa ra quy định mới về việc doanh nghiệp (DN) không phải in tờ khai hải quan. Theo đó, trong quá trình làm thủ tục hải quan, người khai hải quan không phải in tờ khai hải quan điện tử. Cơ quan Hải quan không xác nhận trên tờ khai hải quan điện tử in của DN.

Trường hợp các cơ quan quản lý Nhà nước cần xác nhận thông tin tờ khai hải quan thì sẽ được cấp tài khoản truy cập hệ thống VNACCS để tra cứu thông tin. Người khai hải quan tự lưu giữ chứng từ thuộc hồ sơ hải quan (bản giấy và điện tử) nhằm phục vụ thuận lợi cho công tác kiểm tra sau thông quan của cơ quan Hải quan.

Đây là quy định mang lại nhiều thuận lợi cho DN bởi Hệ thống VNACCS/VCIS hỗ trợ người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin (quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này) nhằm nâng cao vai trò điện tử hóa trong quá trình làm TTHQĐT, giảm thiểu chứng từ giấy cho DN. Đồng thời hệ thống cho phép cơ quan chức năng tra cứu thông tin trên hệ thống (khi cần thiết).

1.2.2.3. Quy phạm về xử lý vi phạm về hàng hóa

Đối tượng bị xử phạt hành chính được quy định cụ thể tại Điều 2 Nghị định, bao gồm: cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam. Hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật; hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyên, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật vi phạm các quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

Các vi phạm hành chính khác trong hoạt động thương mại về kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng; giá, niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ; chứng từ, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ; đo lường, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa lưu thông, kinh doanh trên thị trường; nhãn hàng hóa; sở hữu trí tuệ; thủ tục đăng ký kinh doanh; biển hiệu; quảng cáo thương mại; kinh doanh đấu giá hàng hóa; kinh doanh đấu thầu hàng hóa, dịch vụ; mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới và các hành vi vi phạm khác thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Một số văn bản quy định cụ thể:

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nghị định gồm 04 chương 91 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2020.

Nghị định 111/2021/NĐ-CP quy định về xuất xứ hàng hóa được quy định như sau: Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu tự xác định và ghi xuất xứ hàng hóa của mình bảo đảm trung thực, chính xác, tuân thủ các quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hoặc các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Nghị định 67/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 68/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

Nghị định 46/2020/NĐ-CP quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan.

Thông tư 10/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

1.3. Khái quát thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ở một số quốc gia trên Thế giới và một số kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ở một số quốc gia trên Thế giới

** Thái Lan*

** Singapore*

** Nhật Bản*

*** Hàn Quốc**

1.3.2. Một số kinh nghiệm về thủ tục hải quan điện tử cho Việt Nam

Qua nghiên cứu các phương pháp quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của hải quan các nước khi thực hiện thủ tục HQĐT, từ đó có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam như:

Thứ nhất: Phần lớn các nước đều có hệ thống EDI của quốc gia hoặc hệ thống thông quan tự động hoặc tổ chức VAN làm nền tảng cho việc áp dụng thủ tục HQĐT. Những nước có hệ thống EDI hoàn chỉnh, thương mại điện tử phát triển mạnh thì việc triển khai thủ tục HQĐT sẽ thuận lợi và có điều kiện phát triển.

Thứ hai: Cần xây dựng hệ thống pháp luật đủ mạnh, bảo đảm việc thực thi nghiêm minh, đầy đủ các quy định của pháp luật về hải quan nhằm tạo điều kiện cho cơ quan hải quan áp dụng những biện pháp và chế tài phù hợp khi doanh nghiệp vi phạm. Cần phải có kế hoạch tổng thể về thực hiện hải quan điện tử dựa trên kết quả đánh giá trình độ phát triển công nghệ thông tin, trình độ quản lý của Nhà nước và mức độ sẵn sàng thực hiện của doanh nghiệp.

Thứ ba: Phát triển thủ tục HQĐT đi đôi với áp dụng phương pháp QLRR, nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, thông tin hải quan và tăng cường các trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho việc kiểm tra.

Thứ tư: Khi nội luật hóa, xây dựng cơ sở pháp lý cho hải quan điện tử, Hải quan Việt Nam phải: đánh giá đầy đủ, toàn diện thực trạng hệ thống pháp lý hiện hành của Việt Nam; đánh giá các yếu tố tác động trực tiếp và điều kiện về khả năng thực thi các chuẩn mực trong điều kiện của quốc gia.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

1.4.1. Yếu tố luật pháp

Hệ thống Pháp luật Hải quan quy định về vấn đề này còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ hoặc còn chồng chéo. Sự phối hợp giữa các bộ ngành, giữa các địa phương với HQ, giữa ngành HQ với các đơn vị khác chưa thật tốt. Điều này ít nhiều gây khó khăn cho việc triển khai thủ tục HQĐT trong thời gian qua.

1.4.2. Yếu tố công nghệ

Công nghệ có ảnh hưởng rất lớn đến thủ tục HQĐT vì thủ tục HQĐT được xây dựng dựa trên công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ đơn giản, hài hòa, thống nhất và phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Cơ sở hạ tầng, phương tiện làm việc chưa được trang bị đầy đủ và phù hợp với yêu cầu cải cách hiện đại hóa làm chậm quá trình thông quan ảnh hưởng đến cộng đồng doanh nghiệp. Sự đổi mới ngày càng nhanh về mặt công nghệ trong thương mại điện tử đã không ngừng nâng cao chất lượng tác động đến sự thay đổi công nghệ phần cứng lẫn phần mềm trong hoạt động của hải quan.

1.4.3. Yếu tố kinh tế, xã hội

Cần có sự ủng hộ và tham gia nhiệt tình của các doanh nghiệp đã đăng ký và được cấp giấy công nhận tham gia thủ tục HQĐT. Đây cũng là một trong những đối tượng có vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào sự thành công chung của thủ tục HQĐT. Chính sự tham gia thường xuyên và tích cực của các doanh nghiệp

này đã làm cho thủ tục thông quan điện tử thêm sinh động và có tầm ảnh hưởng sâu rộng về mặt kinh tế, xã hội.

1.4.4. Yếu tố con người

Thực hiện thủ tục HQĐT là một nội dung mới và khó. Trong khi đó, đại bộ phận cán bộ hải quan hiện nay đang quen với phương pháp quản lý thủ công, ngại thay đổi. Do đó, một bộ phận cán bộ CCHQ có những biểu hiện tiêu cực, vụ lợi và chưa có quyết tâm trong thực hiện thủ tục HQĐT.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 học viên đã trình bày các khái niệm gồm: Khái niệm về hải quan, hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan điện tử, thông tin hải quan, QLRR, kiểm tra sau thông quan. Làm rõ vai trò và sự cần thiết của việc thực hiện thủ tục HQĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Làm rõ quy định của pháp luật, quản lý nhà nước của thủ tục HQĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh nghiệm thực hiện thủ tục HQĐT của một số nước để rút ra bài học kinh nghiệm cho hải quan Việt Nam

Trên cơ sở đó thực hiện đánh giá thực trạng thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hiện nay của một số Địa phương đại diện cho 3 miền Bắc, Trung, Nam ở Việt Nam tại Chương 2..

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

2.1.1. Chủ thể trong thủ tục hải quan điện tử

2.1.1.1. Người khai hải quan

Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan được quy định tại Điều 8 Luật Hải quan 2014, Điều 2 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính:

*** Quyền:**

Người khai hải quan được cơ quan hải quan cung cấp thông tin liên quan đến việc khai hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, hướng dẫn làm thủ tục hải quan, phổ biến pháp luật về hải quan để người khai được nắm thông tin và hiểu rõ trong quá trình thực hiện.

Người khai hải quan có quyền yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa khi đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho cơ quan hải quan theo đúng quy định.

Người khai hải quan có quyền yêu cầu cơ quan hải quan kiểm tra lại thực tế hàng hóa đã kiểm tra, nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan hải quan trong trường hợp hàng hóa chưa được thông quan.

*** Nghĩa vụ:**

Người khai hải quan có nghĩa vụ thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật Hải quan đã quy định. Đồng thời cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin để cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa.

Phải có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan, không có các hành vi và hồ sơ trái với pháp luật quy định.

Nghiêm túc thực hiện quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải để hồ sơ nhanh chóng được hoàn thành đúng theo quy định.

2.1.1.2. Công chức hải quan

*** Quyền:**

Công chức hải quan là người được nhà nước trao quyền thay mặt nhà nước thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực hải quan. Để hoàn thành nhiệm vụ này, nhà nước trao cho công chức hải quan những quyền hạn nhất định, điều này đã được pháp luật quy định cụ thể tại 19 Luật hải quan năm 2014.

*** Nghĩa vụ:**

Thứ nhất, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, quy trình nghiệp vụ hải quan và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Pháp luật

là công cụ để nhà nước quản lý và duy trì xã hội, đứng dưới pháp luật, tất cả mọi cá nhân đều bình đẳng như sau.

Thứ hai, hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi có yêu cầu.

Thứ ba, thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan; giám sát việc mở, đóng, chuyển tải, xếp dỡ hàng hóa tại địa điểm làm thủ tục hải quan và địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Thứ tư, lấy mẫu hàng hóa với sự có mặt của người khai hải quan để cơ quan hải quan phân tích hoặc trưng cầu giám định phục vụ kiểm tra hải quan.

Thứ năm, yêu cầu người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan đến hàng hóa để xác định đúng mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của hàng hóa.

Thứ sáu, yêu cầu người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải đi đúng tuyến đường, đúng thời gian, dừng đúng nơi quy định.

Ngoài ra, công chức hải quan còn có các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Nội dung của thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Quy trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử được thực hiện cụ thể:

* Trước khi lô hàng tới doanh nghiệp cần thực hiện các việc sau:

Xác định mã số, xác định xuất xứ, xác định trị giá hàng hóa của lô hàng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu.

Sau khi xác định mã số, xuất xứ hàng hóa, người khai hải quan cần xác định các chính sách hàng hóa liên quan đến mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành thì thực hiện các thủ tục đăng ký kiểm tra chuyên ngành, cấp phép theo quy định.

Đăng ký kiểm tra chuyên ngành và cấp phép có thể được thực hiện hiện qua cơ chế một cửa quốc gia <https://vnsw.gov.vn/> hoặc tại đơn vị quản lý chuyên ngành theo quy định.

Lấy số quản lý hàng hóa

* Thực hiện thủ tục hải quan

Bước 1: Khai báo thông tin hải quan

Thông qua phần mềm khai báo Hải quan VNACC/VCIS; doanh nghiệp thực hiện khai báo thông tin tờ khai nhập khẩu, tờ khai xuất khẩu và nộp tờ khai hải quan, kèm các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thông qua Hệ thống VNACCS

Bước 2: Hệ thống thực hiện phân luồng tờ khai

Luồng 1: Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan: trường hợp này doanh nghiệp được chấp nhận thông quan hàng hóa theo thông tin tờ khai Hải quan, chuyển sang bước 3.

Luồng 2: Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan gửi qua hệ thống VNACCS/VCIS; nộp các chứng từ theo quy định phải nộp bản chính, hoặc kiểm tra các chứng từ có liên quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp hồ sơ phù hợp thì chuyển sang thực hiện bước 3. Trường hợp hồ sơ không phù hợp hoặc có nghi vấn, cơ quan Hải quan quyết định chuyển tờ khai sang luồng 3 và thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa.

Luồng 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa

Trường hợp này, người khai hải quan thông qua Hệ thống VNACCS/VCIS để tiếp nhận thông báo, hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hoá do cơ quan hải quan thông báo qua hệ thống và đăng ký địa điểm, thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa với cơ quan hải quan. Người khai Hải quan có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện để kiểm tra thực tế hàng hoá;

Bước 3: Nộp thuế và phí theo quy định

Trường hợp số thuế phải nộp bằng 0: Hệ thống tự động cấp phép thông quan và xuất ra cho người khai “Quyết định thông quan hàng hóa”.

Bước 4: Thông quan hàng hóa / Giải phóng hàng/ Đưa hàng về bảo quản

2.1.3. Xử lý vi phạm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Ngày 26/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nghị định gồm 04 chương 91 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2020.

Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định tại Nghị định này gồm có: Hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh, trừ trường hợp đã được quy định tại nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước khác;.....

Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 111/2021/NĐ-CP quy định về xuất xứ hàng hoá được quy định như sau: Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu tự xác định và ghi xuất xứ hàng hóa của mình bảo đảm trung thực, chính xác, tuân thủ các quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hoặc các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2.1.4. Quản lý Nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử

2.1.4.1. Công tác giám sát hải quan

Giám sát hải quan là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để đảm bảo sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa xuất nhập khẩu đang thuộc đối tượng quản lý hải quan. Công tác giám sát hải quan được thực hiện từ khi hàng hóa xuất nhập khẩu vào khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu đến khi ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Phương thức giám sát bằng niêm phong hải quan, giám sát trực tiếp của công chức hải quan hoặc giám sát bằng phương tiện kỹ thuật.

2.1.4.2. Công tác thu ngân sách Nhà nước

Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là một trong các nhiệm vụ của cơ quan hải quan, Luật Hải quan 2014 quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc tổ chức thu thuế và các khoản thu khác

2.1.4.3. Công tác quản lý rủi ro

Luật Hải quan tạo cơ sở pháp lý áp dụng nguyên tắc QLRR trong kiểm tra, giám sát hải quan; Có chế độ ưu tiên, tạo thuận lợi về thủ tục hải quan cho doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hải

quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác dựa trên việc tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro.

2.1.4.4. Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại

Luật Hải quan quy định, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và địa bàn hoạt động của mình, cơ quan hải quan các cấp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2.1.4.5. Công tác Kiểm tra sau thông quan

Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với CQHQ; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của người khai hải quan. Luật Hải quan quy định cụ thể về kiểm tra sau thông quan như: Địa điểm kiểm tra (Tại trụ sở CQHQ, trụ sở người khai hải quan);

2.1.4.6. Tổ chức bộ máy hải quan và công tác nhân sự

Tổng cục HQ đã rà soát chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật Hải quan, báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của TTCP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCHQ trực thuộc Bộ Tài chính. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với những nhiệm vụ được giao và khối lượng công việc ngày càng tăng thêm, phù hợp với nhiệm vụ và tình hình thực tế của từng đơn vị.

2.1.4.7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hải quan

Cơ quan Hải quan thực hiện thanh tra chuyên ngành theo Luật Thanh tra và Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành. Lực lượng Thanh tra TCHQ là lực lượng nòng cốt giúp ngành Hải quan thực hiện các luật như Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng,...

2.1.5. Một số hạn chế pháp luật hiện hành về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Hệ thống văn bản pháp luật về hải quan là rất lớn, thường xuyên thay đổi, thời gian từ khi ban hành đến khi có hiệu lực thì ngắn, lại chịu sự điều chỉnh của nhiều bộ, ngành có liên quan nên có những quy định chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn dẫn đến gây khó khăn cho cả CBCC hải quan lẫn doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong việc cập nhật, thực hiện kịp thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ hoặc còn chồng chéo với một số văn bản quy phạm pháp luật trong và ngoài ngành. Các chuẩn mực quốc tế về Công ước Kyoto và chuẩn mực của WCO chưa được nghiên cứu một cách cụ thể để áp dụng cũng như nội luật hóa vào trong quy định pháp luật của Việt Nam.

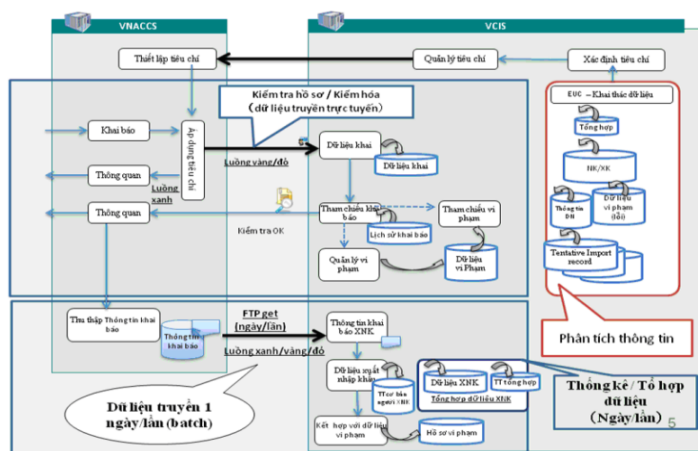
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

2.2.1. Tình hình áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại một số Địa phương

2.2.1.1. Tình hình áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng

Hiện nay Hải quan Hải Phòng thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hệ thống thông quan một cửa quốc gia gọi là VNACCS/VCIS. Để chuẩn bị cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử theo hệ thống thông quan một cửa quốc gia VNACCS/VCIS.

Hệ thống này bao gồm 02 hệ thống nhỏ là hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam và hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ. Tổng quan về hệ thống này được thể hiện ở hình sau²:



Bảng 2.3: Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan TP. Hải Phòng trong giai đoạn năm 2017-2022³

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Kim ngạch XNK (ĐVT: Tỷ USD)	46.982	54.816	68.367	79.529	95.367	111.6
Số tờ khai HQ (ĐVT: Triệu tờ)	1.04	1.39	1.58	1.87	2.01	2.2
Thu NSNN (ĐVT: Tỷ đồng)	48.538	50.168	67.092	72.782	75.765	78.752

* Quy trình thực hiện quy trình thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng

Hiện nay Cục hải quan Tp Hải phòng đang thực hiện quy trình thủ tục hải quan điện tử theo hợp đồng thương mại theo hệ thống Vinacccs/Vicis gồm 5 bước như sau:

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai.

² Nguồn tài liệu tham khảo: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng

³ Nguồn tài liệu tham khảo: Thống kê báo cáo số liệu hàng năm của Cục Hải quan Tp Hải Phòng

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa

Bước 4: Xác nhận thông quan/giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản/vận chuyển hàng về địa điểm kiểm tra.

Bước 5: Quản lý hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan

2.2.1.2. *Tình hình áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử tại Cục Hải quan Tp Đà Nẵng*

2.2.1.2.1. *Quy trình thực hiện thủ tục HQĐT áp dụng tại Cục Hải quan Tp Đà Nẵng*

Hiện nay Cục hải quan Tp Đà Nẵng đang thực hiện quy trình thủ tục hải quan điện tử theo Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan gồm 5 bước như sau:

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai.

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa

Bước 4: Kiểm tra hoàn thành nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí

Bước 5: Quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ

2.2.1.2.2. *Tình hình áp dụng pháp luật về thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan Tp Đà Nẵng*

Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống CNTT tập trung của ngành Hải quan ổn định 24/7 giúp cho hàng hóa xuất nhập khẩu được thông quan nhanh chóng, giúp doanh nghiệp giảm chi phí, thời gian và nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngoài ra Cục Hải quan Tp Đà Nẵng còn phát triển xây dựng một số phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý nội bộ tại Cục.

Tp Đà Nẵng là một trong 3 trung tâm kinh tế - xã hội lớn nhất đất nước, đóng góp đáng kể đối với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược. Dưới tác động đại dịch Covid – 19 nhiều lĩnh vực trong bức tranh toàn cầu của thế giới từ cuối năm 2019 đến nay cũng đã ảnh hưởng. Tuy nhiên, theo số liệu của Cục thống kê Tp Đà Nẵng hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn thành phố từ năm 2017-2022 đạt mức tăng trưởng đều đặn qua các năm. Tỷ trọng xuất nhập khẩu của thành phố so với cả nước dao động từ 0,58%-0,72%.

Bảng 2.1: Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan Tp Đà Nẵng trong giai đoạn năm 2017 - 2022⁴

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Kim ngạch XNK (ĐVT: triệu USD)	2.815	2.947	3.002	3.279	3.562	4.200
Số tờ khai HQ (ĐVT: Tờ)	96.182	98.452	107.378	110.934	114.452	117.378
NSNN thu được (ĐVT: Tỷ đồng)	3.323	3.962	4.042	4.223	4.954	5.130

⁴ Nguồn tài liệu tham khảo: Theo số liệu thống kê báo cáo hàng năm của Cục hải quan Tp Đà Nẵng.

2.2.1.3. Thực tiễn việc áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử tại Cục Hải quan Tp Hồ Chí Minh

Việc thực hiện thí điểm thủ tục HQĐT tại Việt Nam bắt đầu từ năm 2005 qua Quyết định số 149/2005/QĐ-TTG và Quyết định số 50/2005/QĐ-BTC, được chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: tháng 10/2005 - 11/2009 thí điểm tại Cục HQĐT Thành phố Hải Phòng và Chi cục HQĐT TP.HCM.

Giai đoạn 2: từ năm 2009 đến tháng 12/2012, thí điểm thủ tục HQĐT tại 13 Cục HQ tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư 222/2009/TT-BTC).

Bảng 2.2: Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn năm 2017-2022⁵

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Kim ngạch XNK (ĐVT: Tỷ USD)	88.5	92.7	96.8	98.3	102	108.6
Số tờ khai HQ (ĐVT: Triệu tờ)	1.96	2.07	2.3	2.5	2.6	2.8
NSNN thu được (ĐVT: Tỷ đồng)	957.65 6	108.31 1	118.63 2	123.531	128.076	143.03 5

* Quy trình thủ tục HQĐT áp dụng tại Cục HQ Tp.HCM.

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa

Bước 4: Quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ, xác nhận đã thông quan; giải phóng hàng; đưa hàng hóa về bảo quản; hàng chuyển cửa khẩu, trao đổi thông tin với Cục hải quan cửa khẩu.

Bước 5: Phúc tập hồ sơ

2.3. Đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

2.3.1. Kết quả đạt được

Thủ tục hải quan điện tử cho phép thực hiện thủ tục hải quan 24 giờ trong tất cả các ngày trong tuần (24/7). Đây là điểm mới so với trước đây khi thực hiện thủ tục hải quan thủ công.

Hồ sơ hải quan dựa trên chứng từ điện tử: Tờ khai hải quan được điện tử hóa và có giá trị như tờ khai giấy, các chứng từ khác điện tử hóa thông qua hình thức chuyển đổi chứng từ giấy sang thông tin điện tử và khai tới cơ quan hải quan (theo quy định của Luật giao dịch điện tử).

Xử lý thông tin khai hải quan tự động. Đơn giản hóa yêu cầu nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan trên cơ sở cho phép áp dụng chứng từ điện tử, chữ ký số.

Đã áp dụng phương thức quản lý dựa trên kỹ thuật QLRR để đánh giá độ

⁵ Nguồn tài liệu tham khảo: Theo số liệu thống kê báo cáo hàng năm của Cục Hải quan Tp Hồ Chí Minh

tuân thủ và phân luồng hàng hóa dựa trên bộ tiêu chí QLRR và hồ sơ tuân thủ doanh nghiệp thay cho việc kiểm soát từng giao dịch xuất nhập khẩu.

2.3.2. Một số hạn chế

2.3.2.1. Hạn chế về chủ thể

Một số CCHQ chưa có kiến thức toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ hải quan, năng lực nghiên cứu chuyên sâu và tổ chức thực hiện một hoặc một số lĩnh vực nghiệp vụ hải quan.

Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một bộ phận CBCC hải quan chưa nắm vững quy định nghiệp vụ, có thái độ gây phiền hà, sách nhiễu làm kéo dài thời gian thông quan, tăng chi phí của doanh nghiệp.

Hệ thống VNACCS/VCIS là một hệ thống mới đòi hỏi phải chuẩn hóa cao, trong giai đoạn đầu một số doanh nghiệp còn ngỡ ngàng, chưa thành thạo trong khai báo nên khai chưa chính xác làm ảnh hưởng đến quá trình thông quan, Doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đối tác quan trọng của Hải quan trong thủ tục hải quan điện tử vẫn còn có bộ phận chưa thực sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm thủ tục hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử được hiệu quả.

2.3.2.2. Hạn chế về quy trình, thủ tục

Hệ thống văn bản pháp luật về hải quan là rất lớn, thường xuyên thay đổi, thời gian từ khi ban hành đến khi có hiệu lực thì ngắn, lại chịu sự điều chỉnh của nhiều bộ, ngành có liên quan nên có những quy định chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn dẫn đến gây khó khăn cho cả CBCC hải quan lẫn DN XNK trong việc cập nhật, thực hiện kịp thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ hoặc còn chồng chéo với một số văn bản quy phạm pháp luật trong và ngoài ngành, một vài loại hình chưa có một quy trình thống nhất khiến cho Hải quan địa phương rất khó thực hiện, hoặc thực hiện không đồng nhất gây ra nhiều khó khăn cho cả cơ quan hải quan và cộng đồng Doanh nghiệp.

2.3.2.3. Hạn chế xử lý vi phạm

Tuy nhiên việc xử lý vi phạm vẫn còn một số hạn chế cụ thể là một số trường hợp xử lý vi phạm CBCC vẫn còn chưa dứt khoát, còn mang tính nể nang. Ngoài ra nhiều vụ việc CBCC hải quan không xác định được đối tượng vi phạm và phạm vi vi phạm vì năng lực chuyên môn chưa cao, thiếu kiến thức trong quá trình thực hiện.

2.3.3. Nguyên nhân

Do trải qua một thời kì dài thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức thủ công truyền thống, doanh nghiệp đã quen sử dụng phương thức này nên khi chuyển sang ứng dụng HQĐT nhiều doanh nghiệp còn ngại, không muốn thay đổi thói quen thực hiện thủ tục thủ công.

Các thủ tục đầu tư, xây dựng phần mềm, mua sắm trang thiết bị máy móc kéo dài do chờ vốn từ Ngân sách nhà nước. Điều này làm ảnh hưởng tới tiến độ triển khai ứng dụng Hải quan điện tử. Khi hạ tầng chưa đầy đủ thì việc triển khai là rất khó.

Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong 2 năm 2020-2021 cũng đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của Hải quan Việt Nam.

Tiểu kết Chương 2

Trong chương này, tác giả đã tập trung đi sâu phân tích thực trạng của quá trình triển khai thực hiện thủ tục HQĐT của 3 Cục Hải quan đại diện cho 3 miền của đất nước: Tp Hải Phòng, Tp Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh.

Nội dung phân tích thực trạng được tác giả thực hiện phân tích dưới các góc độ trình bày sơ lược về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, những thành tựu đã đạt được và thực trạng thực hiện thủ tục HQĐT tại Cục hải quan Tp Hải Phòng, Tp Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, ở chương 2 tác giả cũng đã đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục HQĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Những kết quả thực hiện thủ tục HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại 3 đơn vị đại diện cho 3 vùng miền của đất nước. Từ những nội dung phân tích thực trạng, tác giả cũng đã nêu ra những hạn chế đang còn tồn tại và nguyên nhân để làm tiền đề căn cứ đưa ra những giải pháp khả thi và hiệu quả trong nội dung của chương 3.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu hội nhập Quốc tế

Xây dựng luật mới thay thế luật hiện hành là một trong những mục tiêu trọng tâm mà Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra là: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật”.

Chiến lược phát triển ngành Hải quan cũng đã xác định mục tiêu của thể chế là hệ thống pháp luật được xây dựng, hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp với cam kết quốc tế; trọng tâm là xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan, xây dựng mô hình hải quan số, hải quan thông minh,....

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0

Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng về công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hải quan. Hệ thống CNTT hải quan là hệ thống thông minh, xử lý tập trung trên nền tảng công nghệ hiện đại, có khả năng sẵn sàng cao, tích hợp chặt chẽ với các hệ thống thông tin của các bên liên quan đáp ứng yêu cầu

công tác quản lý hải quan theo chuẩn mực quốc tế “Mọi lúc - Mọi nơi - Mọi phương tiện”.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ hải quan một cách toàn diện, đồng bộ với chuyển đổi số phục vụ doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các Bộ, ngành trong triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN nhằm hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (phi giấy tờ).

Tập trung làm tốt công tác tham mưu, xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT trong việc thực hiện HQĐT trong toàn ngành Hải quan giai đoạn mới

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu để kiểm soát hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, đảm bảo tính minh bạch các thủ tục hành chính

Hệ thống pháp luật được áp dụng vào quy trình thủ tục hải quan, quy chế quản lý hải quan phải được xây dựng đầy đủ, minh bạch, đơn giản. Quy trình thực hiện hài hoà, thống nhất, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng kỹ thuật QLRR đáp ứng yêu cầu hội nhập và hiện đại hoá.

Sắp xếp lại tổ chức bộ máy hải quan, khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, kịp thời đáp ứng yêu cầu cải cách về quy trình nghiệp vụ hải quan, hướng tới đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại; Chuẩn bị mọi mặt cho việc thay đổi phương thức quản lý nhân sự theo yêu cầu hiện đại; triển khai Chiến lược đào tạo tập trung cho một số lĩnh vực nghiệp vụ quan trọng (phân loại hàng hoá, xác định trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa, kiểm tra sau thông quan, thông tin tình báo, QLRR, kiểm soát chống buôn lậu) và liên chính hải quan.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật nâng cao hiệu quả áp dụng về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp theo chủ trương chỉ đạo của Chính, ngành Hải quan cần rà soát những vướng mắc, bất cập của cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủ tục hải quan điện tử đang hiện hành.

Cần phải rà soát văn bản quy phạm pháp Hải quan. Đây là công việc tưởng chừng đã quá quen thuộc đối với các cơ quan Nhà nước trong những năm gần đây nhưng có vai trò quyết định bởi qua công việc này, các cơ quan nhà nước nói chung sẽ định hướng xây dựng hệ thống pháp luật, trong đó có Luật hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật khác phù hợp với yêu cầu hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thủ tục HQĐT đối với hàng hóa thì trước tiên chúng ta cần phải quan tâm đến việc tuyên truyền các quy định của pháp luật về thủ tục HQĐT để các chủ thể trong quá trình triển khai hiểu rõ thông tin và thực hiện theo đúng quy định.

Tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền với nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin cho cán bộ hải quan và người khai hải quan phải thực hiện đúng thao tác, quy trình về việc mã hóa thông tin bí mật nhà nước trong quá trình xử lý, lưu trữ và phản hồi thông tin cho doanh nghiệp trên phần mềm khai báo tiếp nhận.

Đẩy mạnh áp dụng chữ ký số, chữ ký điện tử vào tất cả các khâu nghiệp vụ trong dây chuyền thủ tục hải quan điện tử khi đăng nhập và xử lý dữ liệu của của cơ quan hải quan và hệ thống khai báo quản trị của doanh nghiệp.

Tiểu kết Chương 3

Triển khai ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu luôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược cải cách hiện đại hóa ngành hải quan. Việc áp dụng CNTT trong ngành Hải quan được thực hiện toàn diện, đem lại hiệu quả về nhiều mặt. Đối với công tác quản lý, CNTT giúp xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học, an toàn phục vụ công tác quản lý, ra quyết định của người lãnh đạo. Nhờ ứng dụng CNTT trong các khâu quản lý mà ngành cũng đảm bảo tính liên chính và chuyên nghiệp cao, xây dựng được quy chế dân chủ cơ sở bền vững, tạo sức mạnh về nội lực.

Bên cạnh những mặt tích cực, những ưu điểm thì chúng ta còn có những điểm cần khắc phục và những định hướng giải pháp nhằm giúp cho công tác thực hiện Hải quan điện tử trên toàn quốc được thực hiện có hiệu quả. Trong nội dung của Chương 3 cũng đã thể hiện một phần nào những giải pháp để hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện quy trình về thực hiện thủ tục hải quan điện tử ở các Cục, Chi cục Hải quan.

KẾT LUẬN

Kinh tế Việt Nam đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ từ khi gia nhập thị trường quốc tế thế giới. Đặc biệt là sau 2 năm gặp khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19. Nền kinh tế của Việt Nam đã liên tục tăng trưởng với tốc độ cao; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, cán cân thương mại, giao lưu quốc tế không ngừng được gia tăng và phát triển.

Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, Việt Nam dần trở thành mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giao thương quốc tế; hình thành ngày một nhiều các khu vực ưu đãi thuế quan, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ... Quá trình hội nhập khu vực, quốc tế đặt ra các yêu cầu mới cho công tác quản lý, từ việc xây dựng thể chế tạo hành lang cho hoạt động, đến hình thành tổ chức, bộ máy, cơ chế pháp lý, nguồn nhân lực triển khai, đổi mới cơ chế điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước ... thực hiện các cam kết, ràng buộc theo lộ trình đề ra.

Việc thực hiện cam kết quốc tế đặt ra yêu cầu Hải quan Việt Nam phải tiến hành cải cách, hiện đại hoá nhằm đảm bảo sự phù hợp, tương thích với xu thế phát triển chung và hoà nhập với Hải quan thế giới và khu vực. Ngành Hải quan phải tiếp tục cải cách nhằm hướng đến mục tiêu tương đồng với trình độ quản lý hải quan các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Mục đích nghiên cứu của luận văn là hệ thống hóa cơ sở lý luận về thủ tục Hải quan điện tử; Đánh giá thực trạng thực hiện quy trình thủ tục Hải quan điện tử đang áp dụng tại một số Cục, chi cục qua đó tìm ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những bất cập làm cơ sở đề xuất những biện pháp cải tiến quy trình thủ tục Hải quan đối với hoạt động nhập khẩu bằng phương tiện điện tử nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại nói chung và hoạt động hải quan tại Cục Hải quan tại 3 thành phố lớn đại diện cho 3 miền của Tổ quốc: Tp Hải Phòng, Tp Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh; Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời chống gian lận thuế, gian lận thương mại, tạo sự công bằng, bình đẳng cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan.